

Số: 09 /2022/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ học tập của học sinh phổ thông thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chương trình là gọi tắt của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Máy tính bảng là thiết bị di động dạng bảng có màn hình cảm ứng, sử dụng hệ điều hành di động, có các chức năng tương tự máy tính, có khả năng cài đặt các phần mềm mở rộng và có khả năng truy cập mạng Internet.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo là hộ gia đình được cấp có thẩm quyền công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 được Chính phủ quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021.

4. Đối tượng được nhận máy tính bảng là hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phê duyệt.

5. Chương trình “Sóng và máy tính cho em” là chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phát động ngày 12 tháng 9 năm 2021.

6. Hộ có thành viên là học sinh phổ thông là hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên của hộ (có tên trong Sổ hộ khẩu hoặc trong Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo) đang học tại các cơ sở giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục.

7. Gia đình chính sách người có công với cách mạng là hộ gia đình có thành viên là đối tượng trực tiếp và đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

8. Gia đình chính sách xã hội là hộ gia đình có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hộ gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

9. Chủ hộ là người đứng tên chủ hộ trong Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của hộ gia đình.

10. Người đại diện hộ gia đình: Là người có tên trong danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, được thay mặt hộ gia đình trực tiếp nhận bàn giao máy tính bảng do Chương trình hỗ trợ. Người đại diện hộ gia đình phải có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự, có tên trong Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và được ghi rõ lý do vào danh sách hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng.

11. Doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối viễn thông là doanh nghiệp có hoạt động sản xuất thiết bị đầu cuối viễn thông cố định hoặc di động có thể đấu nối vào điểm kết cuối của mạng viễn thông để gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin của người sử dụng.

12. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng được cơ quan có thẩm quyền cấp phép kinh doanh ít nhất 01 (một) dịch vụ viễn thông thuộc danh mục dịch vụ viễn thông công ích ban hành tại Thông tư này.

13. Xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là xã khu vực III theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo danh sách tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

14. Xã đảo là các xã được Thủ tướng Chính phủ công nhận theo tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận xã đảo quy định tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận xã đảo.

15. Huyện đảo, bao gồm các huyện: Cô Tô, Vân Đồn, Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Hoàng Sa, Lý Sơn, Trường Sa, Phú Quý, Côn Đảo, Kiên Hải, Phú Quốc.

16. Khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông là các thôn, bản, làng, ấp, buôn, bon, phum, sóc, đảo có hộ dân sinh sống (gọi chung là thôn) đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

a) Thôn có điện thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo và các khu vực khác doanh nghiệp viễn thông không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường;

b) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa có dịch vụ viễn thông di động mặt đất hoặc dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất hoặc chưa có cả hai dịch vụ này.

Danh sách khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng

1. Đối với hỗ trợ máy tính bảng:

- a) Đối tượng được hỗ trợ chỉ được hỗ trợ một lần và một máy tính bảng;
- b) Đảm bảo đúng đối tượng và theo thứ tự ưu tiên được hỗ trợ trong phạm vi số lượng máy tính bảng thuộc Chương trình;
- c) Không trùng lặp về đối tượng được hỗ trợ của Chương trình với đối tượng được hỗ trợ từ nguồn khác của Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;
- d) Đảm bảo công khai, dân chủ tại cơ sở trong việc đề xuất đối tượng cụ thể được nhận hỗ trợ.

2. Đối với hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích:

- a) Chất lượng dịch vụ truy nhập Internet để sử dụng máy tính bảng đảm bảo yêu cầu phục vụ học tập của học sinh;
- b) Hỗ trợ hàng tháng cho thuê bao sử dụng dịch vụ;
- c) Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet để sử dụng máy tính bảng được quy định phù hợp với đặc điểm của từng dịch vụ.

**Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

**CẤU HÌNH KỸ THUẬT CỦA MÁY TÍNH BẢNG; DANH MỤC,
CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
ĐỂ SỬ DỤNG MÁY TÍNH BẢNG PHỤC VỤ HỌC TẬP**

Điều 4. Cấu hình kỹ thuật tối thiểu và yêu cầu chất lượng đối với máy tính bảng

Máy tính bảng được hỗ trợ từ Chương trình đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Đáp ứng yêu cầu tối thiểu về cấu hình kỹ thuật và yêu cầu chất lượng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Được cài đặt sẵn một số ứng dụng phục vụ học tập trực tuyến, ứng dụng theo dõi dung lượng sử dụng và hỗ trợ đảm bảo an toàn thông tin.

Điều 5. Danh mục, chất lượng, giá dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng

1. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng là các dịch vụ viễn thông phổ cập sau:

- a) Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất;
- b) Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.

2. Chất lượng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng:

a) Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất (QCVN 81:2019/BTTTT);

b) Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (dịch vụ truy nhập Internet cáp quang) phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (QCVN 34:2019/BTTTT).

3. Giá dịch vụ viễn thông công ích:

Giá dịch vụ viễn thông ích quy định tại khoản 1 Điều này do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ, PHÂN BỐ MÁY TÍNH BẢNG, TIÊU CHÍ UƯ TIÊN VÀ ĐỀ XUẤT DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NHẬN MÁY TÍNH BẢNG

Điều 6. Đối tượng hỗ trợ máy tính bảng

1. Đối tượng hỗ trợ máy tính bảng là hộ nghèo, hộ cận nghèo đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có thành viên của hộ gia đình là học sinh phổ thông;
- b) Có nhu cầu nhận hỗ trợ máy tính bảng thuộc Chương trình;
- c) Chưa được nhận hỗ trợ máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng) phục vụ học tập của học sinh từ các nguồn khác thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

2. Trong phạm vi số lượng máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho các địa phương theo quy định tại Điều 7 Thông tư này, đối tượng được nhận máy tính bảng được xác định theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 7. Tiêu chí phân bổ máy tính bảng của Chương trình cho các địa phương

1. Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ số lượng máy tính bảng của Chương trình cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) trên cơ sở số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng tỉnh.

2. Số lượng máy tính bảng phân bổ cho các tỉnh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mtbin} = \frac{\text{Mtbn}}{\sum_{i=1}^t (\text{Hncni} - \text{Mtki})} \times (\text{Hncni} - \text{Mtki})$$

Trong đó:

- a) Mtbm: Là số lượng (cái) máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho tỉnh i trong năm n;
- b) Mtbn: Là số lượng máy tính bảng của Chương trình thực hiện hỗ trợ trong năm n;
- c) Hncni: Số lượng hộ nghèo, cận nghèo của tỉnh i (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông tại thời điểm xác định số liệu);
- d) Mtki: Là số lượng máy tính bảng tỉnh i đã được hỗ trợ từ Chương trình này của các năm trước năm n và số lượng máy tính, máy tính bảng đã được hỗ trợ bằng các nguồn khác thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” (tính đến thời điểm Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ máy tính bảng cho các địa phương);
- d) t: Là số tỉnh có hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều 8. Phân bổ máy tính bảng và đề xuất danh sách đối tượng được nhận máy tính bảng tại các địa phương

1. Tiêu chí ưu tiên hộ gia đình được nhận máy tính bảng:

Tiêu chí chung ưu tiên đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này được nhận hỗ trợ máy tính bảng theo thứ tự sau:

- a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách người có công với cách mạng;
- b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội;
- c) Hộ nghèo;
- d) Hộ cận nghèo.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và số lượng máy tính bảng được Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- a) Quyết định tiêu chí, cách phân bổ máy tính bảng cho các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn;
- b) Cụ thể hóa, bổ sung tiêu chí ưu tiên hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ máy tính bảng được nhận máy tính bảng; quy định trình tự, thủ tục và chỉ đạo công tác xét chọn, đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng tại địa phương; đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại Điều 6 Thông tư này và theo các tiêu chí ưu tiên;
- c) Phê duyệt Danh sách hộ gia đình tại địa phương được nhận máy tính bảng và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo Mẫu số 01/DSH-MTB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Thông tin và Truyền thông Danh sách hộ gia đình được phân bổ máy tính bảng là trong 45 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ máy tính bảng của Chương trình cho địa phương.

Mục 3

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG

Điều 9. Hình thức hỗ trợ máy tính bảng

1. Hình thức hỗ trợ máy tính bảng: Bằng hiện vật.
2. Máy tính bảng được bàn giao trực tiếp cho người đại diện hộ gia đình được nhận máy tính bảng.

Điều 10. Phương thức lựa chọn doanh nghiệp cung cấp máy tính bảng

1. Đầu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính bảng theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa sử dụng vốn nhà nước.

2. Doanh nghiệp tham gia đấu thầu cung cấp máy tính bảng thuộc Chương trình, bao gồm:

- a) Doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối;
- b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Điều 11. Giá trị máy tính bảng

1. Giá trị máy tính bảng hỗ trợ cho các đối tượng được nhận máy tính bảng là giá trúng thầu theo kết quả đấu thầu.

2. Giá trị máy tính bảng quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm chi phí bàn giao máy tính bảng cho người đại diện hộ gia đình tại địa bàn cấp xã và chi phí bảo hành thiết bị.

Điều 12. Trách nhiệm của các bên liên quan khi bàn giao máy tính bảng cho các đối tượng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với nhà thầu cung cấp máy tính bảng tổ chức bàn giao máy tính bảng cho các đối tượng được nhận máy tính bảng theo đúng danh sách được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Khi bàn giao máy tính bảng cho đối tượng được hỗ trợ, nhà thầu và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện cơ sở giáo dục phổ thông tại xã phải phối hợp lập Biên bản bàn giao kèm theo Bảng kê danh sách hộ gia đình đã nhận bàn giao máy tính bảng có đủ thành phần ký xác nhận theo Mẫu số 02/BBG-MTB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Biên bản lập thành 05 bản, trong đó:

- a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ 01 bản;
- b) Gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông 01 bản (để theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
- c) Nhà thầu giữ 03 bản (trong đó 02 bản gửi Bên mời thầu khi làm thủ tục đề nghị nghiệm thu thực hiện gói thầu).

Mục 4

HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH CHO ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NHẬN MÁY TÍNH BẢNG

Điều 13. Dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ sử dụng và thời gian hỗ trợ sử dụng cho đối tượng nhận máy tính bảng

1. Chương trình hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho hộ gia đình đã nhận máy tính bảng thông qua chỉ 01 (một) doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Chương trình hỗ trợ sử dụng 01 (một) trong 02 (hai) dịch vụ viễn thông công ích quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này đối với hộ gia đình (đã nhận máy tính bảng) thường trú tại các khu vực xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo và khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông. Hộ gia đình được lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để đăng ký sử dụng.

3. Chương trình hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng trên mạng viễn thông di động mặt đất đối với hộ gia đình đã nhận máy tính bảng thường trú ngoài các khu vực quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thời gian tính hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng nhận máy tính bảng (thuê bao) là từ ngày thuê bao bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích (dịch vụ viễn thông phổ cập) đến khi:

- a) Tạm dừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;
- b) Đưa ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 14. Mức hỗ trợ và phương thức thực hiện

1. Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích: Do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2. Trường hợp đối tượng được nhận máy tính bảng bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vào một ngày bất kỳ trong tháng (không tròn tháng), mức hỗ trợ tháng đầu tiên cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích như sau:

a) Hộ gia đình bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích từ ngày 02 đến ngày 10 của tháng, được hỗ trợ bằng 85% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hộ gia đình bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích từ ngày 11 đến ngày 20 của tháng, được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Hộ gia đình bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích từ ngày 21 đến ngày cuối tháng, hỗ trợ bằng 15% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp hộ gia đình có nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có chi phí cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, hộ gia đình có trách nhiệm tự thanh toán cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phần chênh lệch chi phí vượt mức hỗ trợ của Chương trình.

4. Trường hợp chủ thuê bao phải thanh toán cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phần chênh lệch chi phí vượt mức hỗ trợ của Chương trình, doanh nghiệp phải cung cấp thông tin về giá trị dịch vụ viễn thông đã sử dụng hàng tháng, số kinh phí được Chương trình hỗ trợ và số tiền chủ thuê bao còn phải thanh toán trực tiếp cho doanh nghiệp cho chủ thuê bao biết. Doanh nghiệp quyết định hình thức cung cấp thông tin cho chủ thuê bao và thông báo hình thức áp dụng cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam biết, theo dõi thực hiện.

5. Phương thức thực hiện: Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng được nhận máy tính bảng.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục để nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng

Ngoài các thủ tục ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông với doanh nghiệp viễn thông theo quy định, các đối tượng có tên trong danh sách được nhận máy tính bảng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt có nhu cầu hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích khi đăng ký thuê bao phải có:

1. Bản đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông công ích gửi doanh nghiệp viễn thông (đăng ký thuê bao) theo Mẫu số 05/ĐK-DVPC, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Chứng minh nhân dân (hoặc Căn cước công dân) của chủ hộ hoặc của người đại diện hộ gia đình nhận hỗ trợ máy tính bảng (có bản chính để đối chiếu);

3. Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đang trong thời gian chưa thoát nghèo, thoát cận nghèo theo quy định của pháp luật.

4. Đối với thuê bao đang được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, vào tháng 12 hàng năm có trách nhiệm cung cấp bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp viễn thông để tiếp tục duy trì hỗ trợ.

5. Đối với các thuê bao đang được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích có nhu cầu thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải có đăng ký thay đổi doanh nghiệp theo Mẫu số 06/CĐ-DVPC, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Xác định đối tượng được hỗ trợ và đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng

1. Đối tượng được nhận máy tính bảng là thuê bao đăng ký sử dụng mới dịch vụ viễn thông công ích, phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Hộ gia đình có tên trong danh sách nhận hỗ trợ máy tính bảng của Chương trình được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Hộ gia đình chưa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích khác của Chương trình.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được hộ gia đình đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích có trách nhiệm:

a) Đổi chiếu các thủ tục, hồ sơ quy định tại Điều 15 Thông tư này, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện đăng ký thuê bao được hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích cho hộ gia đình;

b) Đăng ký thông tin thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vào danh sách đối tượng được hỗ trợ;

c) Trường hợp hộ gia đình đã được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích khác do doanh nghiệp cung cấp, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

Điều 17. Thay đổi sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Các trường hợp thay đổi sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng gồm:

a) Hộ gia đình được nhận máy tính bảng từ Chương trình đang được Chương trình hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này được thay đổi dịch vụ sử dụng 01 (một) trong 02 (hai) dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này do chính doanh nghiệp cung cấp và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hộ gia đình được nhận máy tính bảng từ Chương trình đề nghị thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có trách nhiệm:

a) Làm thủ tục ngừng hỗ trợ dịch vụ đang sử dụng và làm thủ tục đăng ký thuê bao sử dụng 01 (một) trong 02 (hai) loại dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này (theo đề nghị của chủ thuê bao) từ tháng tiếp theo; Cập nhật thông tin thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vào danh sách đối tượng được hỗ trợ;

b) Việc thay đổi sử dụng dịch vụ quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo không trùng lặp về thời gian (tháng sử dụng dịch vụ) và tính tròn tháng (là tháng tiếp theo tháng dừng nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ công ích viễn thông di động mặt đất trả sau).

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Chủ thuê bao muốn thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đề nghị

doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trước khi đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp mới cung cấp theo Mẫu số 06/CĐ-DVPC, Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ đề nghị của chủ thuê bao, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có trách nhiệm:

- Doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có trách nhiệm làm thủ tục dừng hợp đồng thuê bao được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của doanh nghiệp, xác nhận vào Mẫu số 06/CĐ-DVPC, Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này và cập nhật thông tin thuê bao dừng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vào danh sách đối tượng được hỗ trợ;

- Doanh nghiệp có thuê bao đăng ký mới (chuyển đến) khi tiếp nhận đề nghị của chủ thuê bao, thực hiện đổi chiếu hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này và làm thủ tục đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho hộ gia đình và cập nhật thông tin thuê bao chuyển đến sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vào danh sách đối tượng được hỗ trợ.

c) Việc thay đổi thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích giữa các doanh nghiệp thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo không trùng tháng cung cấp dịch vụ và tính tròn tháng (tháng bắt đầu sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp có thuê bao chuyển đến phải sau tháng thuê bao dừng sử dụng dịch vụ công ích viễn thông công ích của doanh nghiệp có thuê bao chuyển đi).

Điều 18. Tạm dừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Chương trình tạm dừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng trong các trường hợp sau:

a) Thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích trong 02 (hai) tháng liên tục không phát sinh lưu lượng (chiều đi và chiều đến);

b) Các hộ gia đình có thuê bao đang được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích chưa cung cấp bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.

2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trường hợp tháng tiếp theo tháng đang dừng hỗ trợ, thuê bao có phát sinh lưu lượng thì tiếp tục được Chương trình hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

3. Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tạm dừng hỗ trợ từ tháng 01 năm tiếp theo và thông báo cho chủ thuê bao biết. Doanh nghiệp chỉ tiếp tục hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích bằng kinh phí của Chương trình từ tháng hộ gia đình cung cấp bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (chưa thoát nghèo, thoát cận nghèo sau rà soát theo quy định).

4. Doanh nghiệp được đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện cập nhật thông tin tạm ngừng hỗ trợ đối với các thuê bao thuộc các

trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này vào danh sách đối tượng được hỗ trợ.

Điều 19. Đưa ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Các đối tượng đưa ra khỏi danh sách thuê bao được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích gồm:

a) Thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông công ích có 05 (năm) tháng liên tục không phát sinh lưu lượng (chiều đi và chiều đến);

b) Hộ gia đình đã được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo. Trong trường hợp này, Chương trình dừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho hộ gia đình đã được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo từ quý tiếp theo quý Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

2. Doanh nghiệp được đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện cập nhật thông tin các thuê bao quy định tại khoản 1 Điều này vào danh sách đối tượng được hỗ trợ.

Mục 5

LẬP KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐỂ SỬ DỤNG MÁY TÍNH BẢNG

Điều 20. Lập kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ và thực hiện các thủ tục mua hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho đối tượng được hỗ trợ máy tính bảng

1. Lập kế hoạch, dự toán hỗ trợ trang bị máy tính bảng:

a) Căn cứ Quyết định phân bổ máy tính bảng cho các địa phương của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong 10 ngày, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập kế hoạch mua sắm, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính bảng trình Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức thực hiện mua sắm máy tính bảng theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm hàng hóa sử dụng vốn nhà nước; ký hợp đồng với doanh nghiệp trúng thầu để triển khai cung cấp máy tính bảng cho các đối tượng được nhận máy tính bảng theo quy định.

2. Lập kế hoạch, dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Căn cứ lập kế hoạch, dự toán:

- Quyết định phân bổ máy tính bảng của Bộ Thông tin và Truyền thông cho các địa phương;

- Danh sách hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Giá dịch vụ viễn thông công ích; mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;
- Tình hình thực tế của doanh nghiệp.

b) Các doanh nghiệp lập kế hoạch, dự toán thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng theo Mẫu số 04/KH-DV, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và báo cáo thuyết minh kế hoạch, dự toán gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 30 tháng 9 năm trước năm kế hoạch. Riêng kế hoạch, dự toán năm 2022, gửi chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông có Quyết định phân bổ máy tính bảng của Chương trình cho các tỉnh;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông giao cơ quan chức năng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do các doanh nghiệp báo cáo;

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng các doanh nghiệp viễn thông để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Nội dung Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được ký kết giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (được ký cho cả giai đoạn và chia ra hàng năm).

2. Nội dung hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên dịch vụ;
- b) Số lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ;
- c) Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ;
- d) Phạm vi triển khai, đối tượng thụ hưởng;
- đ) Giá, đơn giá, mức hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích;
- e) Giá trị hợp đồng;
- g) Thời gian triển khai, thời gian hoàn thành;
- h) Tạm ứng, thanh toán;
- i) Phương thức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- k) Trách nhiệm báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện hợp đồng;
- l) Quyền và nghĩa vụ và của bên đặt hàng và bên cung cấp dịch vụ;
- m) Xử lý do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết;
- n) Các thỏa thuận khác của các bên.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông có thể bổ sung một

số nội dung khác để phù hợp với yêu cầu quản lý đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam gửi 01 bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi, giám sát thực hiện. Trường hợp phát sinh các nội dung vượt thẩm quyền, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam báo cáo, xin ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông về dự thảo hợp đồng đặt hàng trước khi ký kết.

Điều 22. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ máy tính bảng

1. Tạm ứng: Thực hiện theo quy định của hợp đồng thực hiện gói thầu.
2. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành:

a) Doanh nghiệp trúng thầu lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam chậm nhất 20 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thực hiện hợp đồng thực hiện gói thầu;

b) Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu và hồ sơ thanh toán theo Mẫu số 03/BCKP-MTB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản chính Biên bản bàn giao (bao gồm Bảng kê danh sách hộ gia đình nhận bàn giao máy tính bảng) theo Mẫu số 02/BBBG-MTB, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thanh toán:

Căn cứ biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và đề nghị thanh toán của các doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện thanh toán cho các doanh nghiệp tối đa 95% giá trị đã thực hiện, đồng thời thu hồi số kinh phí đã tạm ứng. Giá trị thực hiện còn lại sẽ thanh toán sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán.

4. Quyết toán:

a) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ máy tính bảng theo từng hợp đồng thực hiện gói thầu với các nhà thầu. Thời hạn báo cáo quyết toán chậm nhất 02 tháng, kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thực hiện hợp đồng thực hiện gói thầu;

b) Thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ máy tính bảng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình.

Điều 23. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Nội dung về tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được nhận máy tính bảng

thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương và đối tượng được nhận hỗ trợ máy tính bảng

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

- a) Quyết định phân bổ và thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về số lượng máy tính bảng được hỗ trợ từ Chương trình phân bổ cho từng tỉnh;
- b) Phê duyệt kế hoạch mua sắm, dự toán kinh phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính bảng và kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; phê duyệt quyết toán kinh phí sử dụng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;
- c) Chỉ đạo Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan;
- d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích từ Chương trình;
- đ) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi thẩm quyền pháp luật quy định;
- e) Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình về hỗ trợ máy tính bảng và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- a) Phối hợp, cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- b) Phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; kết quả rà soát hộ nghèo định kỳ hàng năm theo quy định.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- a) Phối hợp, cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ máy tính từ các nguồn khác thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;
- b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp bàn giao máy tính bảng cho các đối tượng được nhận hỗ trợ và hướng dẫn học sinh của các hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng sử dụng thiết bị cho mục đích học tập.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

b) Phối hợp, cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư hướng dẫn chung thực hiện Chương trình;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra theo dõi, giám sát việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn;

d) Bố trí ngân sách địa phương cho các cơ quan quản lý nhà nước các lĩnh vực liên quan đến công tác quản lý thực hiện Chương trình tại địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Đối tượng được nhận máy tính bảng:

a) Tạo điều kiện để học sinh là thành viên trong hộ gia đình được sử dụng máy tính bảng phục vụ học tập; sử dụng máy tính bảng trong hộ gia đình để khai thác thông tin phục vụ phát triển kinh tế và thông tin thiết yếu khác trên mạng Internet theo nhu cầu;

b) Lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng và phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ, thủ tục phát triển thuê bao, thay đổi dịch vụ sử dụng, tạm dừng, đưa thuê bao ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích quy định tại Mục 4, Chương II Thông tư này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **30** tháng **6** năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để được giải đáp, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Sở TTTT, Sở LĐ-TB&XH, Sở GD-ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng TTĐT CP, Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

**CẤU HÌNH KỸ THUẬT TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG
ĐỐI VỚI MÁY TÍNH BẢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2022/TT-BTTTT ngày 10/6/2022
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

| STT | Chỉ tiêu | Thông số kỹ thuật tối thiểu |
|------------|--|--|
| 1 | Màn hình | >= 8 inch. Độ phân giải tối thiểu HD (1280x800), IPS (Khuyến nghị ưu tiên màn hình 10 inch) |
| 2 | RAM | >= 3GB |
| 3 | Lưu trữ | >= 32GB |
| 4 | Hệ điều hành | Hệ điều hành cho thiết bị di động (Android™ 10/iOS 12... hoặc phiên bản cao hơn) |
| 5 | Camera | Trước 2.0MP /Sau 5.0MP hoặc Trước 5.0MP /Sau 2.0MP |
| 6 | Microphone | >= 1 Microphone |
| 7 | Loa | >= 2 loa |
| 8 | Kết nối | 4G hoặc các thẻ hệ mạng tiếp theo |
| 9 | Wi-Fi | 802.11 b/g/n |
| 10 | Bluetooth® | Tối thiểu 4.0 |
| 11 | Cổng | <ul style="list-style-type: none"> • 1x Headphone/microphone combo jack (3.5mm) • 1x Pin connector • 1x USB-C 2.0 |
| 12 | Pin | Dung lượng Pin tối thiểu 5000mAh |
| 13 | Tiêu chuẩn chống nước – IPx5 | Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền |
| 14 | Ứng dụng sử dụng Internet chất lượng, an toàn | <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng kiểm tra chất lượng Internet: i-Speed - Ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin. |
| 15 | Tiêu chuẩn tiết kiệm điện - Energy Star | Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền |
| 16 | Sử dụng chất liệu thân thiện môi trường (RoSH) | Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền |
| 17 | Công nghệ lọc ánh sáng xanh | Được đo kiểm và đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế tương ứng bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền |

Ghi chú: Tất cả nguyên liệu, vật tư, linh kiện cấu thành máy tính bảng phải là sản phẩm mới.

Phụ lục II

MẪU BIỂU HỒ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ HỒ TRỢ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số **09** /2022/TT-BTTTT ngày **30** /6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mẫu số 01/DS – MTB, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2022/TT-BTTTT)

UBND tỉnh, thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC NHẬN HỒ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025**

| STT | Mã huyện, xã | Tên huyện, xã | Họ và tên chủ hộ | CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ | Địa chỉ | Đối tượng hộ gia đình | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------|------------------|--|---------|-----------------------|---------|
| A | B | C | D | I | 2 | 3 | 4 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

....., ngày ... tháng ... năm

Chủ tịch UBND tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản,

- Cột (3) Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:

+ ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

+ ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

+ ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

+ ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).

Mẫu số 02/BBBG – MTB, Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2022/TT-BTTT)

BIÊN BẢN BÀN GIAO MÁY TÍNH BẢNG
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025

Hôm nay, vào hồi... ngày... tháng ... năm, tại chúng tôi gồm:

I. BÊN GIAO THIẾT BỊ ... (tên Nhà thầu cung cấp thiết bị)

Họ và tên: Số điện thoại:

Chức vụ:

II. BÊN NHẬN THIẾT BỊ CHO HỘ GIA ĐÌNH (có Danh sách kèm theo)

III. CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỨNG KIẾN BÀN GIAO

1. Đại diện UBND xã.....

Họ và tên: Số điện thoại:

Chức vụ:

2. Đại diện của các cơ sở giáo dục:

a) Tên trường:

Họ và tên: Số điện thoại:

Chức vụ:

b) Tên trường:

Họ và tên: Số điện thoại:

Chức vụ:

IV. NỘI DUNG BÀN GIAO

Nhà thầu thực hiện bàn giao thiết bị máy tính bảng tại (ghi rõ địa điểm bàn giao thiết bị) cho (ghi rõ số lượng) hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình nhận máy tính bảng kèm theo.

1. Thiết bị, số lượng bàn giao:

.....

2. Các phụ kiện kèm theo

.....

3. Hiện trạng thiết bị bàn giao

.....

V. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ HỘ GIA ĐÌNH

1. Ý kiến của các hộ gia đình:

.....

2. Ý kiến của các cơ quan tại địa bàn xã:

.....

Biên bản này lập thành 05 bản, nhà thầu giữ 03 bản, UBND xã giữ 01 bản và 01 bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÀ THẦU:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH NHẬN BÀN GIAO MÁY TÍNH BẢNG
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025**

Tại xã: huyện tỉnh, thành phố

(Kèm theo Biên bản bàn giao máy tính bảng ngày..... tháng..... năm

| STT | Mã xã | Tên xã | Tên chủ hộ | CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ | Số thứ tự trong danh sách được UBND tỉnh phê duyệt | Địa chỉ | Người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng | | | Tên thiết bị | Mã số thiết bị (IMEI) | Thời điểm bàn giao | Hiện trạng thiết bị khi nhận bàn giao | Chữ ký người nhận |
|-----|-------|--------|------------|--|--|---------|---|-------------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|--------------------|---------------------------------------|-------------------|
| | | | | | | | Họ tên | Số CMND/CCCD/ Mã số định danh | Số điện thoại (nếu có) | | | | | |
| A | B | C | D | I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | |

Đại diện Nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Cơ sở giáo dục
trên địa bàn xã**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm

Chủ tịch UBND xã

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Báo cáo này do Nhà thầu cung cấp thiết bị máy tính bảng lập, được gửi kèm theo Biên bản bàn giao thiết bị giữa nhà thầu với đại diện hộ gia đình (có sự chứng kiến của UBND xã và cơ sở giáo dục trên địa bàn xã).

Các trang của Danh sách được đóng dấu giáp lai cùng với Biên bản.

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi Số thứ tự của hộ trong danh sách được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Cột (3): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản,

- Cột (4): Ghi họ tên người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng.

- Cột (5): Ghi số CMND hoặc CCCD hoặc mã số định danh của người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng.

- Cột (6): Ghi số điện thoại người đại diện hộ gia đình nhận máy tính bảng (nếu có).

- Cột (7): Ghi tên hiệu máy tính bảng (thương hiệu máy).

- Cột (8): Ghi mã số thiết bị IMEI.

- Cột (9): Ghi ngày, tháng, năm bàn giao máy tính bảng.

- Cột (10): Ghi tình trạng máy tính bảng khi bàn giao (hoạt động bình thường/không hoạt động được, ...).

- Cột (11): Chữ ký người nhận máy tính bảng.

NHÀ THẦU:

Mẫu số 03/BCKP-MTB, Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2022/TT-BTTTT)

BÁO CÁO TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN GÓI THẦU CUNG CẤP MÁY TÍNH BẢNG
Tên gói thầu:

| STT | Mã tỉnh, huyện, xã | Tên tỉnh, huyện, xã | Số lượng hộ được cung cấp máy tính bảng theo Danh sách UBND tỉnh phê duyệt (hộ) | Số lượng thiết bị đã bàn giao (máy) | Đơn giá (đồng/máy) | Giá trị thực hiện (đồng) | Số thiết bị chưa bàn giao (máy) | Giá trị chưa thực hiện (đồng) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|------------------------------|---|---|-----------------------|-----------------------------------|--|---|---------|
| A | B | C | I | 2 | 3 | 4=2x3 | 5 | 6 =5x3 | 7 |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| | | Cộng | x | x | | x | x | x | |

....., ngày tháng năm

LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU⁽¹⁾

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.
- Cột (B): Ghi mã tỉnh, mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (C): Ghi tên tỉnh, mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (1): Là người đại diện nhà thầu theo quy định của pháp luật tại Hợp đồng cung cấp máy tính bảng.
- Cột (2): Ghi số lượng máy tính bảng đã bàn giao.
- Cột (3): Ghi đơn giá máy tính bảng.
- Cột (4): Ghi giá trị máy tính bảng đã thực hiện bàn giao.
- Cột (5): Ghi số lượng máy tính bảng chưa thực hiện bàn giao.
- Cột (6): Ghi giá trị máy tính bảng chưa thực hiện bàn giao.
- Cột (7): Ghi nguyên nhân/Lý do chưa thực hiện bàn giao máy tính bảng.

Doanh nghiệp: ...

KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Năm

Trên địa bàn tỉnh, thành phố:

| STT | Tháng hỗ trợ | Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất | | | Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất | | | Ghi chú |
|-----|--------------|---|-------------------------------------|--------------------|--|-------------------------------------|--------------------|---------|
| | | Sản lượng (thuê bao) | Mức hỗ trợ (đồng/thuê bao/tháng) | Kinh phí (đồng) | Sản lượng (thuê bao) | Mức hỗ trợ (đồng/thuê bao/tháng) | Kinh phí (đồng) | |
| A | B | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5 | 6=4x5 | 7 |
| 1 | Tháng 01 | | | | | | | |
| 2 | Tháng 02 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| 12 | Tháng 12 | | | | | | | |
| | Tổng | | | | | | | |

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
(Thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025)⁽¹⁾

Kính gửi⁽²⁾: Doanh nghiệp[Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ]

Họ và tên Chủ hộ⁽³⁾:

Số CMND/CCCD/Mã số định danh của chủ hộ⁽⁴⁾:

Địa chỉ⁽⁵⁾:

Đối tượng hộ gia đình⁽⁶⁾:

Người đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ⁽⁷⁾:

Số CMND/CCCD/Mã số định danh⁽⁸⁾:

Nghề nghiệp⁽⁹⁾:

Địa chỉ⁽¹⁰⁾:

Quan hệ với chủ hộ⁽¹¹⁾:

Hiện nay, tôi có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp cung cấp như sau⁽¹²⁾:

- Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động;
- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

Tôi cam kết hiện tại hộ gia đình tôi chưa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập ở bất kỳ doanh nghiệp viễn thông nào. Tôi đề nghị Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập nêu trên cho hộ gia đình sử dụng từ ngày ...tháng....năm⁽¹⁴⁾

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày.....tháng...năm...
CHỦ HỘ/CHỦ THUÊ BAO⁽¹⁴⁾
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Phiếu này do các chủ hộ gia đình lập khi có nhu cầu đăng ký được hưởng hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích.

⁽²⁾ Ghi tên doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- (3) Ghi tên chủ hộ gia đình.
- (4) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ hộ.
- (5) Ghi địa chỉ hiện tại của hộ gia đình (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố).
- (6) Ghi đối tượng hộ gia đình như sau:
 - + ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.
 - + ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.
 - + ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
 - + ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
- (7) Ghi họ tên người đứng tên đăng ký chủ thuê bao sử dụng dịch vụ.
- (8) Ghi Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ thuê bao.
- (9) Ghi nghề nghiệp của chủ thuê bao đăng ký sử dụng dịch vụ.
- (10) Ghi địa chỉ hiện tại của chủ thuê bao đăng ký sử dụng dịch vụ (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố).
- (11) Ghi quan hệ với chủ hộ (là Chủ hộ/Con/Cháu/...) trong trường hợp người đứng tên chủ thuê bao không phải là chủ hộ.
- (12) Chỉ đánh dấu 01 dịch vụ viễn thông công ích có nhu cầu nhận hỗ trợ như sau:
 - + Đối với hộ gia đình thường trú tại các khu vực xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo và khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông: Hộ gia đình chọn và đánh dấu [X] vào (đầu dòng) ghi tên một trong hai dịch vụ.
 - + Đối với hộ gia đình thường trú ngoài các khu vực nêu trên: Chỉ đánh dấu [x] vào đầu dòng ghi tên dịch vụ truy nhập Internet băng rộng trên mạng viễn thông di động.
- (13) Ghi ngày, tháng, năm đề nghị doanh nghiệp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.
- (14) Chủ hộ/chủ thuê bao ký và ghi rõ tên (trường hợp chủ thuê bao không phải là chủ hộ thì người đại diện gia đình đứng tên chủ thuê bao phải có tên trong sổ hộ khẩu/Giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo và ghi rõ mối quan hệ với chủ hộ như hướng dẫn tại điểm (11) trên).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI/NGỪNG HỖ TRỢ
SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH⁽¹⁾**

Kính gửi: Doanh nghiệp⁽²⁾[Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ]

Họ và tên Chủ hộ⁽³⁾:
Số CMND/CCCD/Mã số định danh của chủ hộ⁽⁴⁾:
Địa chỉ⁽⁵⁾:
Đối tượng hộ gia đình⁽⁶⁾:
Họ tên chủ thuê bao đang được hỗ trợ sử dụng dịch vụ⁽⁷⁾:
Số CMND/CCCD/Mã số định danh⁽⁸⁾:
Mã số/Số thuê bao⁽⁹⁾:
Số hợp đồng cung cấp dịch vụ⁽¹⁰⁾:

Hiện nay, tôi đang sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp cung cấp và đề nghị thay đổi sử dụng dịch vụ như sau:

1. Đề nghị thay đổi dịch vụ được hỗ trợ do doanh nghiệp cung cấp:

a) Dịch vụ đang sử dụng⁽¹¹⁾:

- Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động;
- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

b) Đề nghị được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập khác⁽¹²⁾:

- Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động;
- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

Thời gian thay đổi sang sử dụng dịch vụ trên từ ngày.. tháng...năm⁽¹³⁾

2. Đề nghị ngừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp [ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ] để chuyển sang doanh nghiệp mới [ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyển đến]⁽¹⁴⁾ từ ngày....tháng....năm⁽¹⁵⁾.....

Trân trọng cảm ơn./.

**DOANH NGHIỆP ĐANG CUNG CẤP DỊCH
VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH XÁC NHẬN⁽¹⁷⁾**

Dùng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông
công ích cho thuê bao

từ tháng năm

(Đại diện doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu)

....., ngày.....tháng...năm...

CHỦ HỘ/CHỦ THUÊ BAO⁽¹⁶⁾

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (¹) Phiếu này do các chủ hộ gia đình lập khi ngừng hoặc thay đổi hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích.
- (²) Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
- (³) Ghi tên chủ hộ gia đình.
- (⁴) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ hộ.
- (⁵) Ghi địa chỉ hiện tại của hộ gia đình (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố).
- (⁶) Ghi đối tượng gia đình như sau:
 - + ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.
 - + ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.
 - + ĐT3: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
 - + ĐT4: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1 và ĐT2).
- (⁷) Ghi họ tên chủ thuê bao sử dụng dịch vụ.
- (⁸) Ghi số chứng minh thư hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh của chủ thuê bao.
- (⁹) Ghi mã thuê bao sử dụng dịch vụ.
- (¹⁰) Ghi số hợp đồng cung cấp dịch vụ.
- (¹¹) Chỉ đánh dấu một dịch vụ viễn thông công ích đang sử dụng.
- (¹²) Đánh dấu vào một dịch vụ mới muốn sử dụng.
- (¹³) Ghi ngày, tháng, năm chủ thuê bao muốn thay đổi dịch vụ. (Lưu ý ghi tròn tháng và từ tháng tiếp theo).
- (¹⁴) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông chuyển đến.
- (¹⁵) Ghi ngày, tháng, năm chủ thuê bao muốn ngừng sử dụng dịch vụ. (Lưu ý ghi tròn tháng và từ tháng tiếp theo).
- (¹⁶) Chủ hộ/chủ thuê bao ký tên.
- (¹⁷) Chỉ thực hiện xác nhận trong trường hợp hộ gia đình có nhu cầu thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.